

## **5. Thiết kế cơ bản cho Phát triển các chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)**

---



## 5. Thiết kế cơ bản cho Phát triển các chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

### 5.1 Tính toán chỉ số cho thống kê ở Việt Nam và các vấn đề chính

#### 5.1.1 Tính toán chỉ số cho thống kê ở Việt Nam

Chỉ số hiện nay được tính toán theo “phương pháp giá cố định”. Phương pháp này được áp dụng từ năm 1961 và được điều chỉnh bốn lần trong những năm 1970, 1982, 1989 và 1994. Như mô tả dưới đây, chỉ số sản xuất hiện đang áp dụng ở Việt Nam là tốc độ tăng trưởng của giá trị sản xuất tính theo giá cố định.

► Chỉ số sản xuất của Việt Nam tại thời điểm t:

$$I_t = \frac{\sum P_0 Q_t}{\sum P_0 Q_{t-1}} \times 100 \dots \dots \dots (1)$$

Trong đó

- $I_t$  = Chỉ số sản xuất tại thời điểm t
- $P_0$  = Giá cố định
- $Q_t$  = Khối lượng sản xuất tại thời điểm t
- $Q_{t-1}$  = Khối lượng sản xuất tại thời điểm t-1

Cần lưu ý rằng giá trị sản xuất tính giá cố định là do doanh nghiệp điều tra báo cáo. Vì vậy, các cơ quan thống kê Trung ương và địa phương không có khối lượng sản xuất (Q), mà chỉ có giá trị sản xuất theo giá cố định ( $\sum P_0 Q_t$ ).

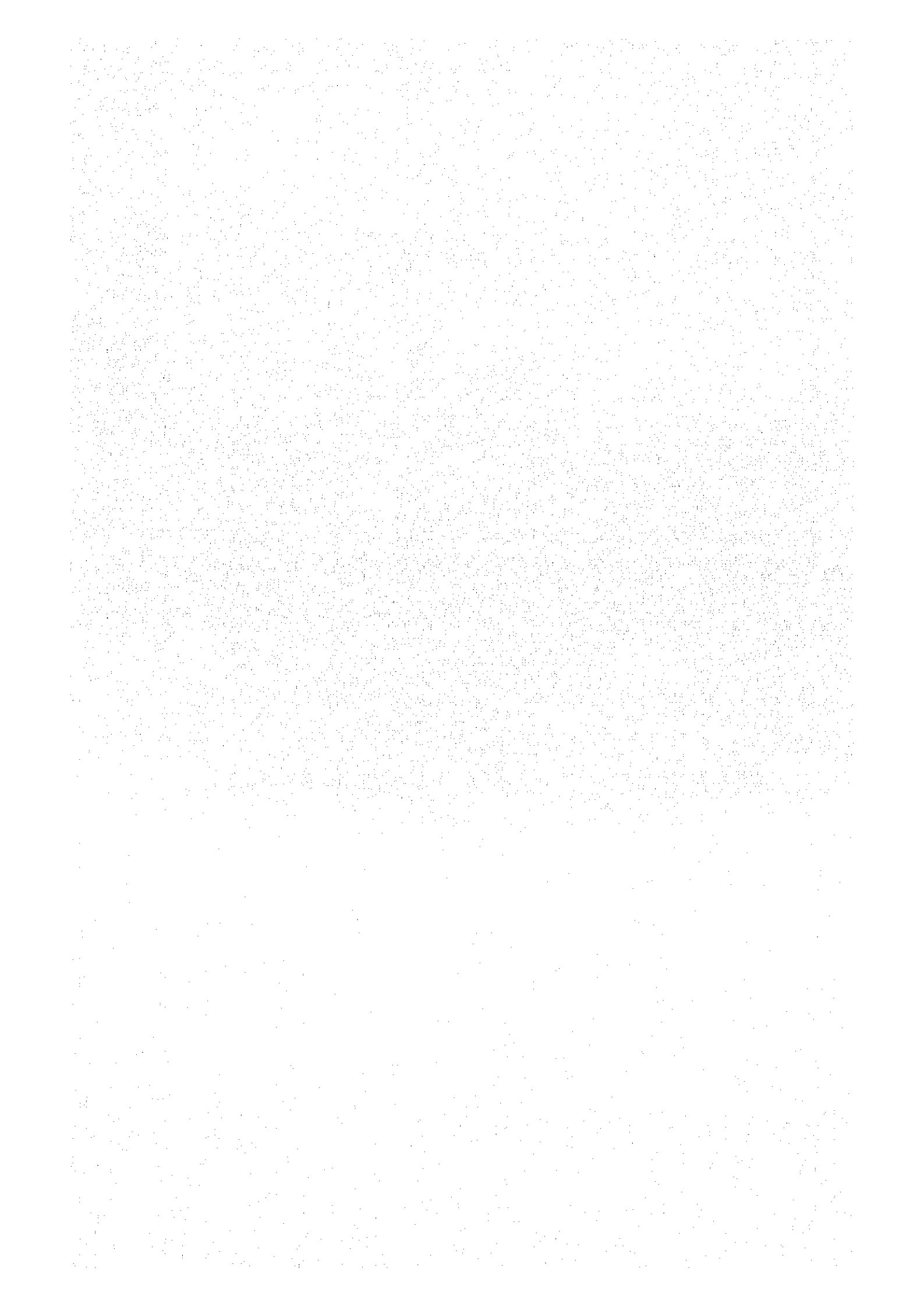
Như đã đề cập ở trên, chỉ số sản xuất của Việt Nam là tốc độ tăng trưởng của giá trị sản xuất theo giá cố định. Về mặt lý thuyết, nó cũng tương tự như chỉ số Laspeyres dưới đây vì nó áp dụng quyền số kỳ gốc.

$$\text{Chỉ số sản xuất Laspeyres} = \frac{\sum P_0 Q_t}{\sum P_0 Q_0} \times 100$$

Sự khác biệt giữa chỉ số Laspeyres chuẩn và chỉ số hiện đang áp dụng là thời điểm so sánh. Chỉ số Laspeyres chuẩn đặt khối lượng sản xuất của năm gốc là mẫu số. Mặt khác, chỉ số của Việt Nam sử dụng khối lượng sản xuất của kỳ trước là mẫu số. Có nghĩa là nếu lấy chỉ số



cũng không phổ biến so với chỉ số của các nước khác. Điều này có thể ảnh hưởng đến khả năng so sánh quốc tế.



### 5.2.3 Tính toán quyền số

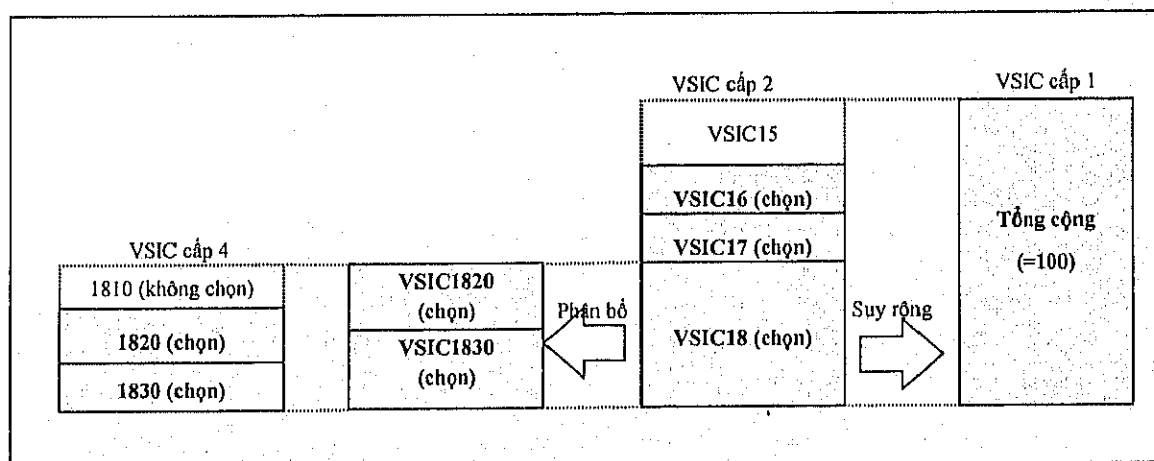
#### (1) Quyền số tại cấp ngành

Phương pháp “suy rộng” được dùng để tính toán tỷ trọng của các ngành đã lựa chọn và suy rộng nó để đảm bảo tỷ trọng cho những ngành không được lựa chọn. Quyền số cho ngành VSIC cấp 4 được xác định bằng cách phân bổ quyền số suy rộng của ngành VSIC cấp 2 cho các ngành VSIC cấp 4 để tính toán quyền số suy rộng cho các ngành VSIC cấp 4.

Việc suy rộng từ ngành VSIC cấp 2 cho ngành VSIC cấp 1, phân bổ quyền số suy rộng cho ngành VSIC cấp 4 được thực hiện theo công thức dưới đây. Khái niệm được trình bày trong Hình 5-1.

$$\begin{aligned} \text{Quyền số suy rộng của ngành đã chọn (VSIC 2)} &= \frac{\text{Quyền số của ngành (VSIC 1)}}{\text{Tổng quyền số của ngành đã chọn (VSIC 2)}} \times \text{Quyền số của ngành đã chọn (VSIC 2)} \\ \text{Quyền số của ngành đã chọn (VSIC 4)} &= \frac{\text{Quyền số mở rộng của ngành (VSIC 2)}}{\text{Tổng quyền số của ngành đã chọn (VSIC 4)}} \times \text{Quyền số của ngành đã chọn (VSIC 4)} \end{aligned}$$

Hình 5-1 Khái niệm Suy rộng



#### (2) Quyền số cho từng sản phẩm

Quy trình tính toán bao gồm: (1) ước tính giá bằng cách chia trị giá hàng xuất kho cho khối lượng hàng xuất kho, (2) ước tính giá trị sản xuất và giá trị tồn kho bằng cách nhân giá với khối lượng sản xuất và khối lượng tồn kho, và (3) áp dụng tỷ trọng của từng sản phẩm vào số liệu VSIC cấp 4 tương ứng trong Điều tra Doanh nghiệp.

Laspeyres chuẩn trừ đi 100 sẽ được tốc độ tăng trưởng của kỳ hiện tại so với kỳ gốc trong khi chỉ số hiện áp dụng thể hiện tốc độ tăng trưởng của kỳ hiện tại và kỳ trước. Nếu lấy giai thừa của chỉ số đang áp dụng từ kỳ gốc đến kỳ hiện tại thì sẽ được chỉ số Laspeyres chuẩn như dưới đây.

Giai thừa của chỉ số đang áp dụng từ kỳ gốc đến kỳ hiện tại

$$\begin{aligned}
 &= \frac{\sum P_0 Q_t}{\sum P_0 Q_{t-1}} \times \frac{\sum P_0 Q_{t-1}}{\sum P_0 Q_{t-2}} \times \dots \times \frac{\sum P_0 Q_1}{\sum P_0 Q_0} \\
 &= \frac{\sum P_0 Q_t}{\sum P_0 Q_0} \quad (\text{Chỉ số Laspeyres chuẩn})
 \end{aligned}$$

### 5.1.2 Những vấn đề cơ bản của phương pháp tính toán

Những vấn đề còn tồn tại của chỉ số hiện nay thể hiện ở các vấn đề dưới đây.

#### (1) Áp dụng giá cố định năm 1994

Trong phiếu điều tra, mỗi doanh nghiệp phải tham khảo Bảng giá cố định năm 1994 để tính toán giá trị sản xuất theo giá cố định. Bảng này được lập năm 1995 và có trên 2000 sản phẩm. Vấn đề ở chỗ bảng này không được cập nhật kể từ năm 1995. Đặc biệt, có những trường hợp doanh nghiệp không thể tìm được các sản phẩm mới như các sản phẩm công nghệ thông tin để điền vào phiếu điều tra. Vì vậy, có nhiều khả năng là chỉ số không thể phản ánh chính sách sự biến động trong các hoạt động công nghiệp vì nó không phản ánh rõ ràng xu hướng của các sản phẩm mới.

#### (2) Sự thiếu nhất quán trong giá cố định

Giá trị sản xuất theo giá cố định từng doanh nghiệp tính toán. Khi các sản phẩm có trong Bảng giá cố định, doanh nghiệp chỉ việc áp dụng giá cố định để tính toán. Tuy nhiên, khi không có giá cố định cho sản phẩm, mỗi doanh nghiệp cần phải tính toán giá cố định bằng cách lấy bình quân gia quyền của các sản phẩm tương tự. Điều này dẫn đến một quy trình vô cùng phức tạp liên quan đến lựa chọn sản phẩm, tính toán bình quân gia quyền và áp giá cho sản phẩm mới. Điều này có thể dẫn đến rủi ro tính toán sai giá cố định. Đồng thời, giá cố định cho sản phẩm mới có thể khác nhau do việc lựa chọn sản phẩm tương tự được tiến hành riêng rẽ bởi từng doanh nghiệp khi họ tính giá cho cùng một sản phẩm.

#### (3) So sánh quốc tế

Phương pháp tính toán chỉ số hiện nay khác biệt đáng kể so với phương pháp do các nước áp dụng. Như Bảng trên, hầu hết các nước đều lấy 100 là chỉ số năm gốc. Trong khi đó, chỉ số hiện áp dụng lại đặt 100 là chỉ số của tháng trước. Đồng thời, cách trình bày chỉ số hiện nay



### 5.2.5 Điều chỉnh kỳ gốc và lựa chọn sản phẩm

#### (1) Điều chỉnh kỳ gốc

Chỉ số khối lượng Laspeyres áp dụng: 1) quyền số đại diện cho cơ cấu ngành, 2) sản phẩm chính của các ngành 3) giá được xác định tại kỳ gốc. Vì vậy, cần phải điều chỉnh kỳ gốc khi có sự thay đổi trong sản phẩm. Ví dụ: xuất hiện các sản phẩm mới và các ngành mới, thay đổi trong giá cả sản phẩm, vv.

Lưu ý rằng, chỉ số Laspeyres sẽ bị “sai lệch” nếu quyền số của kỳ gốc khác đáng kể so với kỳ hiện tại. Đặc biệt, chỉ số Laspeyres trong giai đoạn phát triển kinh tế sẽ cao hơn so với chỉ số sử dụng quyền số ở kỳ so sánh. Một ví dụ điển hình là chỉ số của sản phẩm được sản xuất hàng loạt. Trong trường hợp này, giá tương đối cao trong giai đoạn đầu và dần dần thấp hơn do có hiệu suất khối lượng. Vì vậy, chỉ số Laspeyres sẽ cao hơn vì tốc độ tăng trưởng của sản phẩm được định giá tương đối cao. Vì vậy, điều chỉnh quyền số là một nhiệm vụ quan trọng trong tính toán chỉ số Laspeyres.

Tại thời điểm điều chỉnh, cần phải xem lại danh mục sản phẩm để bổ sung những sản phẩm mới trong tính toán.

#### (2) Lựa chọn sản phẩm và tỷ lệ đại diện

Mặc dù thống kê hàng tháng đòi hỏi độ tin cậy và tính kịp thời nhưng việc tính toán chỉ số nên được thực hiện một cách hiệu quả và chính xác. Mặc dù việc tính toán tất cả các sản phẩm là khả thi, nó cũng tạo gánh nặng công việc vì việc phân tích và tổng hợp số liệu về sản phẩm đòi hỏi nhân lực và dung lượng máy tính khó có thể đáp ứng. Vì vậy, việc không cần thiết phải nâng cao tính chính xác bằng cách điều tra toàn bộ sản phẩm. Thay vào đó, chỉ điều tra các sản phẩm chủ yếu sẽ có giá trị hơn vì nó giúp tăng hiệu quả và tính chính xác.

Các sản phẩm được lựa chọn theo giá trị sản xuất trong mỗi ngành. Cụ thể, ở bước đầu tiên, cần tính toán “tỷ lệ đại diện” như mô tả dưới đây. Tỷ lệ đại diện là tỷ trọng giá trị sản xuất của những sản phẩm được lựa chọn so với tất cả các sản phẩm trong một ngành.

$$\text{Tỷ lệ đại diện} = \frac{\sum_{i=1}^m p_i q_i}{\sum_{i=1}^N p_i q_i}$$

Trong đó

- $p_i$  Giá của sản phẩm  $i$
- $q_i$  Khối lượng sản xuất của sản phẩm  $i$
- $m$  Số các sản phẩm được lựa chọn
- $N$  Số tất cả các sản phẩm

## 5.2 Tính toán chỉ số theo Phương pháp mới

### 5.2.1 Phương pháp mới

Để giải quyết các vấn đề nêu trên, cần phải: (1) thu thập thông tin về khối lượng sản xuất trong phiếu điều tra để tránh nhược điểm của giá cố định; và (2) áp dụng phương pháp luận được sử dụng rộng rãi ở các nước khác để đảm bảo khả năng so sánh quốc tế. Đồng thời, cần luôn luôn ghi nhớ rằng, mục đích của chỉ số Việt Nam hiện nay là tìm hiểu thông tin về hoạt động công nghiệp mà không xem xét đến sự biến động giá. Vì vậy, phương pháp mới cũng sẽ hoàn thành vai trò tương tự như chỉ số hiện tại.

Có rất nhiều phương pháp tính chỉ số, trong đó, công thức Laspeyres cung cấp khả năng so sánh quốc tế cho người sử dụng thống kê và công thức này sẽ được áp dụng để tính chỉ số của Việt Nam.

Công thức Laspeyres : 
$$\frac{\sum P_0 Q_t}{\sum P_0 Q_0} \times 100$$

### 5.2.2 Các chỉ tiêu tính toán chỉ số

Có 4 chỉ tiêu cơ bản được lựa chọn để tính toán chỉ số, bao gồm chỉ số sản xuất, xuất kho, tồn kho và chỉ số sản xuất dự tính tháng tiếp theo.

**Bảng 5-1 Các chỉ tiêu để tính toán chỉ số**

Mục chỉ số	Mục đích	Hình thức công bố	Quyền số
Chỉ số sản xuất (Quyền số giá trị gia tăng)	Thể hiện xu hướng sản xuất hoặc cung	VSIC cấp 1 và cấp 2	Giá trị gia tăng
Chỉ số sản xuất (Quyền số giá trị sản xuất)	Thể hiện xu hướng sản xuất trong sự so sánh với chỉ số xuất kho và tồn kho	VSIC cấp 1 và cấp 2	Giá trị sản xuất
Chỉ số xuất kho	Thể hiện cầu về sản phẩm	VSIC cấp 1 và cấp 2	Doanh thu
Chỉ số tồn kho	Thể hiện mức độ tồn kho	VSIC cấp 1 và cấp 2	Giá trị tồn kho
Chỉ số sản xuất dự kiến	Thể hiện xu hướng sản xuất của tháng sau tháng báo cáo	VSIC cấp 1 và cấp 2	Giá trị gia tăng

Mặc dù những vấn đề này không phải là chỉ có ở Việt Nam nhưng vẫn cần được giải quyết để nâng cao chất lượng của quy trình tính toán. Cần phải chú ý rằng chỉ số mới đòi hỏi số liệu nguồn tin cậy để đạt độ chính xác cao.

(2) Áp dụng bình quân năm trong Khối lượng

Các cuộc Điều tra thử được thực hiện trong dự án Nghiên cứu này đã sử dụng một tháng đơn làm kỳ gốc. Ví dụ: tháng 10 năm 2004 là kỳ gốc trong Điều tra thử 1 và tháng 10 năm 2005 là kỳ gốc trong Điều tra thử 2. Lý do cơ bản để áp dụng những tháng đơn vì đó là một kỳ điều tra tương đối ngắn trong số các kỳ điều tra nên không thể thể hiện một vấn đề nghiêm trọng khi chỉ số được phát triển trên cơ sở thử nghiệm. Tuy nhiên, cần chú ý rằng việc áp dụng tháng đơn làm kỳ gốc có rất nhiều vấn đề, đặc biệt là khi số liệu khối lượng có ảnh hưởng của mùa vụ. Như đã đề cập trên, mục đích của tính toán chỉ số là cung cấp thông tin về xu hướng công nghiệp kịp thời và chính xác. Vì vậy, chỉ số nên được tính toán theo một kỳ gốc ổn định, không dựa trên một tháng đơn mà trên bình quân năm. Cuộc Điều tra Tiền trạm hiện đang được tiến hành với 60 ngày trong thời gian 12 tháng. Nếu độ tin cậy của số liệu được đảm bảo, có thể sử dụng bình quân của năm 2006 làm kỳ gốc.

(3) Áp dụng điều chỉnh kỳ gốc

Bất kỳ một số liệu theo chuỗi thời gian cũng chứa đựng yếu tố mùa vụ do sự thay đổi trong các nhân tố mang tính tự nhiên như thời tiết và các yếu tố xã hội như các kỳ nghỉ. Việt Nam cũng có đặc trưng mùa vụ như mùa khô và mùa mưa cũng như các phong tục xã hội như Tết, vv... Điều chỉnh mùa vụ là một phương pháp thống kê nhằm loại bỏ yếu tố mùa vụ trong số liệu chuỗi thời gian. Trong thống kê công nghiệp, có nhiều sản phẩm bị ảnh hưởng bởi mùa vụ, đặc biệt là thực phẩm và đồ điện tử. Vì vậy, áp dụng điều chỉnh mùa vụ là điều quan trọng để tìm hiểu các hoạt động công nghiệp. Điều chỉnh mùa vụ sẽ được phản ánh trong Điều tra chính thức dựa trên những hướng dẫn cụ thể từ kết quả Điều tra tiền trạm (cả năm)

### 5.3 Ý tưởng cơ bản về Phát triển Hệ thống

(1) Số giao tác

Hình 6-12 đưa ra nội dung và lịch trình phát triển hệ thống. Trước tiên, tất cả dữ liệu của hai cuộc điều tra thử sẽ được xử lý thông thường bằng FoxPro. Cùng với công việc xử lý dữ liệu, điều kiện tiên quyết được đặt ra là có một chức năng giao diện giữa nhập dữ liệu và phần mềm phân tích dữ liệu. Phần mềm lưu trữ sẽ được kết xuất tới bất kỳ phần mềm ứng dụng bên ngoài nào bằng cách sử dụng chức năng kết xuất của FoxPro và được sử dụng để phân tích dữ liệu hoặc tính toán chỉ số.

Số giao tác xuất hiện trong Điều tra thử lần 1 và 2 được trình bày trong Bảng 5-2.

Hình 5-2 Tính toán quyền số của sản phẩm

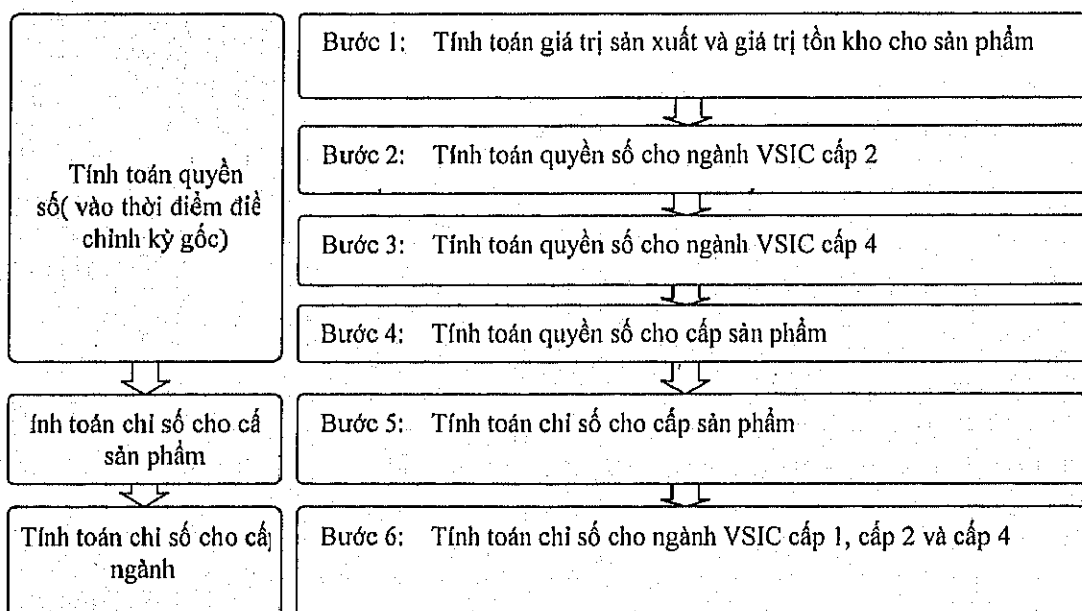
Quyền số cho mỗi sp	Giá trị cho mỗi sản phẩm	Giá trị cho VSIC cấp 4 (Điều tra doanh nghiệp)
Sản phẩm A (20%)	1000000 triệu đồng (20%)	
Sản phẩm B (15%)	750000 triệu đồng (15%)	
Sản phẩm C (15%)	750000 triệu đồng (15%)	
Sản phẩm D (25%)	1250000 triệu đồng (25%)	
Sản phẩm E (25%)	1250000 triệu đồng (25%)	

#### 5.2.4 Quy trình tổng hợp số liệu cho tính toán chỉ số

Tính toán chỉ số có sáu bước dưới đây bao gồm tính toán quyền số, tính toán chỉ số cho sản phẩm và tính toán chỉ số cho cấp ngành nói chung. Trong đó, tính toán quyền số chỉ được thực hiện một lần vào thời điểm điều chỉnh kỳ gốc trong khi tính toán chỉ số cho sản phẩm và cho ngành được tiến hành hàng tháng.

Việc tính toán có thể được tiến hành trên bất kỳ phần mềm nào như spread sheet, cơ sở dữ liệu và phần mềm trọn gói cho thống kê. Trong bất kỳ trường hợp nào, các bước tính toán cũng tuân thủ các bước mô tả dưới đây dù có áp dụng loại phần mềm nào đi nữa. Sơ đồ sau mô tả quy trình tính toán chỉ số.

Hình 5-3 Quy trình thực hiện tính toán chỉ số



- 1) Chấp nhận phần mềm được sử dụng hiện nay tại TCTK làm hệ thống chính để xử lý dữ liệu.

Như đã mô tả ở phần trước, phần mềm cơ sở dữ liệu quan hệ được sử dụng làm động cơ dữ liệu để xử lý dữ liệu trong hệ thống chính. Vì thế, phần mềm này được gợi ý sử dụng trong tương lai. Vì các chức năng của phần mềm động cơ dữ liệu không phụ thuộc vào hãng sản xuất nên không cần phải yêu cầu sử dụng sản phẩm từ một hãng cụ thể. Và người sử dụng không quan tâm quá nhiều xem họ đang thực sự sử dụng phần mềm nào. Tuy nhiên, trường hợp người sử dụng thay đổi phần mềm sang phần mềm cơ sở dữ liệu quan hệ thì họ nên chú ý hơn đến việc truyền dữ liệu và tạo chương trình giao diện với phần mềm ứng dụng mới.

- 2) Sử dụng phần mềm được sử dụng rộng rãi và kiểm tra khả năng tương thích của nó tại các Cục TK và phòng TK quận/huyện. Nhiều nơi đang sử dụng phiên bản cũ.

TCTK lắp đặt hệ thống phần cứng và phần mềm tương đối hiện đại. Đặc biệt là các máy tính cá nhân thường xuyên được lắp đặt nâng cấp bằng những chế độ mới nhất. Trong điều kiện đó, các máy tính cũ được chuyển nhượng lại cho các Cục TK và các phòng TK quận/huyện. Vì thế, phần mềm cần được cải tiến để có thể chạy trên cả máy tính cũ và mới. Nên sử dụng phần mềm đã được chấp nhận rộng rãi. Do đó, yêu cầu người chịu trách nhiệm phát triển hệ thống phải nắm bắt được các điều kiện lắp đặt máy tính cá nhân

- 3) Hệ thống nên được chuyển giao từ Điều tra tiền trạm, bắt đầu từ tháng 2 năm 2006 sang Điều tra toàn diện, bắt đầu từ tháng 1 năm 2007.

Dữ liệu lưu trữ của điều tra thứ 2 và điều tra tiền trạm sẽ được sử dụng như nguồn dữ liệu gốc, thậm chí ngay cả khi điều tra toàn diện được chính thức hoá. Trong thời điểm này, việc chuyển giao kết quả nên thực hiện dần. Trái lại, trong trường hợp những cơ sở dữ liệu này không được sử dụng thì dữ liệu đó sẽ bị xoá bỏ khỏi cơ sở dữ liệu và nên cân nhắc kỹ càng để việc thiết lập nguồn dữ liệu mới được tiến hành hiệu quả

- 4) Hệ thống nên có đủ công suất để xử lý được toàn bộ giao tác nảy sinh trong Điều tra tiền trạm và Điều tra toàn diện.

Quy trình giao tác được bỏ qua do đã trình bày ở phần trước

- 5) Hệ thống nên dễ bảo trì và hỗ trợ, cũng như có đầy đủ chức năng bảo mật.

Do dữ liệu của cuộc điều tra phải bảo đảm tính bảo mật, nên đường truyền dữ liệu giữa TCTK và Cục/Phòng TK cũng cần được ngăn chặn khỏi sự xâm nhập. Trong trường hợp này, chắc chắn phải thiết lập một hệ thống bảo mật để tránh rò rỉ dữ liệu không chỉ từ hệ thống máy chủ tại TCTK mà cả các máy tính cá nhân nhập dữ liệu được lắp đặt tại các Cục TK. Cũng cần thiết lập một hệ thống an toàn để bảo trì định kỳ không chỉ cho phần mềm nhập tin và động cơ dữ liệu của dữ liệu lưu trữ mà cho cả phần mềm chương trình giao diện.

Có thể có người cho rằng nên chọn tỷ lệ đại diện trong mối tương quan với nguồn nhân lực sẵn có hay công suất máy tính. Tuy nhiên, tỷ lệ đại diện nên được lựa chọn bằng cách so sánh với chỉ số của toàn bộ sản phẩm. Điều đó có nghĩa là, cần tính toán chỉ số với tỷ lệ đại diện là 100% và so sánh với chỉ số có tỷ lệ đại diện là 95%, 90% và/hoặc 85%. Mặc dù chúng ta có thể áp dụng các kiểm tra thống kê như kiểm tra t hay kiểm tra Wilcoxon test thì việc tổng hợp số liệu và kiểm tra bằng mắt là điều rất quan trọng.

Có người cũng cho rằng cần phải cập nhật danh mục sản phẩm lựa chọn để việc lựa chọn luôn luôn phù hợp với cơ cấu công nghiệp và bao quát được các sản phẩm mới một cách đầy đủ. Tuy nhiên, cũng như trong trường hợp điều chỉnh kỳ gốc, việc điều chỉnh danh mục sản phẩm lựa chọn quá thường xuyên cũng không hiệu quả do sự hạn chế trong nguồn lực của cơ quan thống kê và tính sẵn có của số liệu khi phân tích tỷ lệ đại diện. Vì vậy, điều chỉnh danh mục sản phẩm lựa chọn có thể được tiến hành cùng thời gian với điều chỉnh kỳ gốc. Tuy nhiên, cần phải chú ý rằng việc tính toán chỉ số luôn luôn gắn bó mật thiết với việc lựa chọn sản phẩm để đảm bảo tính toán chỉ số chính xác.

### 5.2.6 Những chú ý trong áp dụng Chỉ số mới

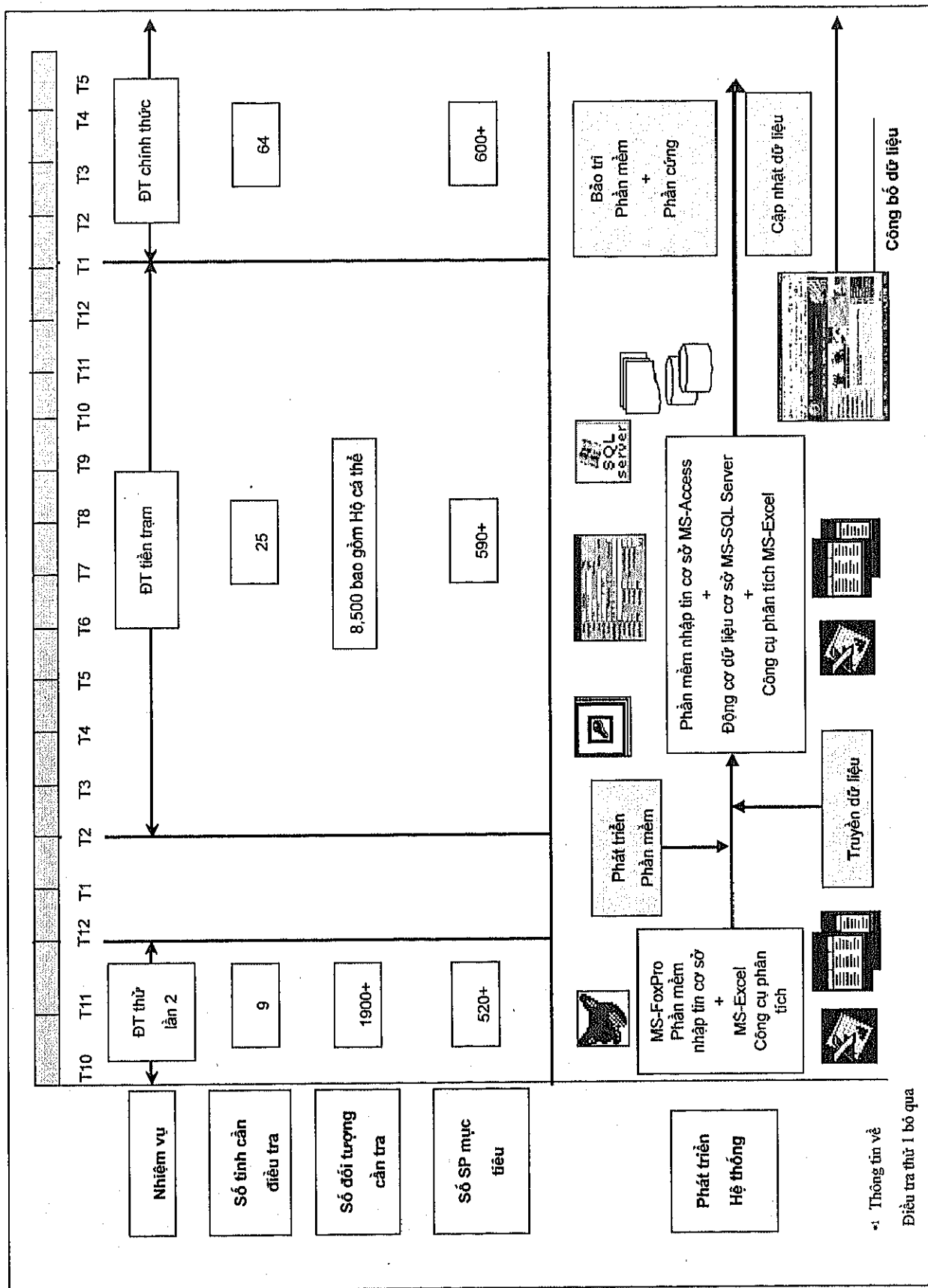
Như đã trình bày ở trên, chỉ số mới có rất nhiều ưu điểm như sau: (1) chỉ số mới giải quyết các vấn đề liên quan đến giá cố định đang tồn tại trong chỉ số hiện đang áp dụng, (2) chỉ số mới phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và đảm bảo khả năng so sánh quốc tế, và (3) chỉ số mới cung cấp một công cụ phân tích hữu hiệu để tìm hiểu các hoạt động công nghiệp. Tuy nhiên, có rất nhiều điều kiện liên quan đến tính toán chỉ số mới.

#### (1) Độ tin cậy của số liệu nguồn để tính toán quyền số

Chỉ số Laspeyres được tính toán bằng cách lấy tỷ trọng sản phẩm giữa kỳ so sánh với kỳ gốc nhân với quyền số. Nói cách khác, mỗi một xu hướng sản phẩm được thể hiện bằng chỉ số trong mối tương quan với độ lớn của quyền số. Quyền số thể hiện tác động của sản phẩm trong toàn bộ ngành công nghiệp. Vì vậy, cần chú ý rằng độ tin cậy của số liệu nguồn để tính toán quyền số là điều không thể thiếu khi tính toán chỉ số.

Số liệu nguồn để tính toán quyền số được lấy từ Điều tra Doanh nghiệp. Tuy nhiên, Điều tra doanh nghiệp cũng còn một số vấn đề cần xem xét. Đầu tiên, việc phân ngành cho mỗi doanh nghiệp hay cơ sở kinh tế vào một ngành công nghiệp có thể không chính xác, đặc biệt là những ngành công nghiệp mới. Thứ hai, quyền số cho địa bàn hay cho tỉnh cần phải được “ước tính” vì Điều tra doanh nghiệp chỉ có số liệu trên cơ sở doanh nghiệp (chỉ cung cấp số liệu tổng hợp mà không chia theo địa bàn hay theo tỉnh). Thứ ba, số liệu nguồn để tính toán quyền số ở một số tỉnh hay một số ngành còn thiếu chính xác.

Hình 5-4 Nội dung và kế hoạch hoạt động về phát triển hệ thống



\*1. Thông tin về Điều tra thử 1 bỏ qua

**Bảng 5-2 Số giao tác xuất hiện trong các cuộc điều tra thử**

Điều tra thử/Giao tác	Điều tra thử lần 1	Điều tra thử lần 2
Số tỉnh/TP điều tra	3	9
Số ngành điều tra	40	48
Số sản phẩm điều tra	213	524
Số đối tượng điều tra	500	1900+

FoxPro có đầy đủ chức năng để xử lý tất cả các số giao tác có trong bảng trên.

Trong Điều tra tiền trạm, bắt đầu từ tháng 2 năm 2006, Access sẽ được dùng trong nhập dữ liệu và SQL Server dùng để lưu dữ liệu. Những dữ liệu được lưu trữ đó sẽ được kết xuất tới phần mềm ứng dụng bên ngoài như MS-Excel bằng cách sử dụng chức năng xuất khẩu của SQL Server và dữ liệu đó cũng được dùng để tính chỉ số.

Số giao tác dự tính có trong Điều tra tiền trạm và điều tra chính thức được trình bày trong bảng dưới đây.

**Bảng 5-3 Số giao tác dự tính**

Điều tra/Số giao tác	Điều tra tiền trạm	Điều tra chính thức (Dự kiến)
Số tỉnh/TP điều tra	25	64
Số ngành điều tra	60	65
Số sản phẩm điều tra	590	530
Số đối tượng điều tra	8500	4,500 + $\alpha$ < 20,000

Không chỉ FoxPro mà SQL Server 2000 cũng có đủ công suất xử lý số giao tác trên.

(2) Ý tưởng cơ bản về Phát triển Hệ thống

Ý tưởng cơ bản về phát triển hệ thống trong việc xử lý thông kê hàng tháng có thể được liệt kê dưới đây; \*1

\*1 Như đã trình bày ở Chương 2.4, hệ thống phần cứng tại TCTK được trang bị tốt và không cần thiết phải mở rộng thêm phần cứng để hỗ trợ phát triển phần mềm trong việc xử lý dữ liệu thống kê hàng tháng. Vì thế, không cần mô tả về việc thiết lập phần cứng và việc tìm kiếm những thông tin cơ bản để phát triển phần mềm được thảo luận ở phần này. Tuy nhiên, cần bổ sung máy tính và chức năng máy tại các Phòng Thống kê địa phương.



**6. Kế hoạch hành động để Hợp thức hoá  
Điều tra Thống kê Sản xuất thường xuyên**

---

Trong quá trình tạo ra cơ sở dữ liệu, vấn đề quan trọng nhất là việc bảo trì và hỗ trợ cơ sở dữ liệu. Bảo trì bao gồm cập nhật định kỳ, thiết lập hệ thống mạng máy tính và quản lý hệ thống bảo mật. Để thực hiện các công việc bảo trì và hệ thống hỗ trợ thì yêu cầu phải có nhân viên thường trực triển khai công việc này.

6) Tiếp tục sử dụng phần mềm đã phát triển

Tiếp tục sử dụng phần mềm đã phát triển trong suốt giai đoạn nào đó là rất lý tưởng. Đặc biệt, nhu cầu thay đổi phần mềm sử dụng như động cơ dữ liệu sẽ rất hãn hữu, trừ khi số giao tác thay đổi đột biến. Vì thế, cần phải xem xét đến việc tiếp tục sử dụng cùng một phần mềm trong một giai đoạn nhất định.

Điều này cần áp dụng cho phần mềm nhập tin. Về cơ bản, phần mềm nhập tin không nên thay đổi mà không chú ý tới những thay đổi về số lượng và khối lượng giao tác. Tuy nhiên, có thể thay đổi các chức năng nhỏ như cải tiến phần nhập tin, chức năng kiểm tra lỗi và điều chỉnh màn hình màu, v.v.

7) Xem xét đến việc sử dụng Mã nguồn mở trong tương lai.

Cả FoxPro và QL Server đều có bán trên thị trường, và giá cả của các phần mềm này không quá đắt. Tiếp tục sử dụng phần mềm này là một chiến lược. Tuy nhiên, cần xem xét đến việc chấp nhận sử dụng Mã nguồn mở, hiện được dùng rộng rãi trong các trường đại học và các viện nghiên cứu khác. Sử dụng Linux làm Hệ điều hành và MySQL làm phần mềm cơ sở dữ liệu quan hệ là một trong nhiều ví dụ.

8) Xem xét việc phát triển phần mềm dựa trên trang Web

Vấn đề quan trọng nhất cần xem xét khi mở rộng hệ thống trong tương lai là thúc đẩy việc phát triển môi trường hệ thống dựa trên trang web. Điều này rất quan trọng nhằm mục đích tự động hoá việc xử lý công việc thống kê, bao gồm cả phân phát và thu thập phiếu điều tra trực tuyến và truyền các file dữ liệu tới động cơ dữ liệu.

## **6. Kế hoạch hành động để Hợp thức hoá Điều tra Thống kê Sản xuất thường xuyên**

### **6.1 Xác định kế hoạch hành động**

Chương này trình bày các khuyến nghị bổ sung liên quan đến các chính sách và các hành động của TCTK (bao gồm cả phát triển cơ sở hạ tầng) cần được thực hiện để theo đuổi các mục tiêu cơ bản của Nghiên cứu – “Kế hoạch Phát triển cơ bản cho Thống kê Sản xuất Thường xuyên” và “Phát triển các chỉ số sản xuất ở Việt Nam” đã được trình bày trong Báo cáo. Nói cách khác, các kế hoạch hành động được đưa ra cho việc hợp thức hoá MSMIP dự kiến áp dụng chính thức từ năm 2007. Chú ý rằng, các kế hoạch hành động này dự kiến được thực hiện ngay sau khi kết thúc Nghiên cứu và sẽ kéo dài trong hai năm tới. Vì vậy, việc trình bày tất cả các vấn đề đã thảo luận trong quá trình thực hiện Nghiên cứu cần được TCTK giải quyết trong dài hạn là điều không cần thiết.

Sau khi kết thúc Nghiên cứu này, JICA có kế hoạch hỗ trợ TCTK bằng cách thay đổi hình thức sang Dự án Hỗ trợ Kỹ thuật. Mặc dù vậy, đơn vị thực hiện các kế hoạch hành động sẽ là Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK, đơn vị chịu trách nhiệm tiến hành MSMIP. Vì vậy, kế hoạch hành động sẽ được Vụ thực hiện và tập trung chủ yếu vào hợp thức hoá, tiến hành và quản lý MSMIP một cách hiệu quả.

### **6.2 Các kế hoạch hành động**

#### **6.2.1 Kế hoạch thành lập Nhóm phục vụ Hợp thức hoá MSMIP và sự phân công công việc**

##### Lý do cho các khuyến nghị:

Để bắt đầu áp dụng MSMIP như thống kê chính thức từ tháng 2 năm 2007, một loạt các hoạt động chuẩn bị cần được tiến hành từ năm 2006 dưới sự chỉ đạo của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK. Vụ này đã trực tiếp tham gia vào các cuộc điều tra thử và sẽ phải tiến hành các công tác chuẩn bị song song với việc thực hiện Điều tra chọn mẫu hàng tháng hiện nay cũng như các cuộc điều tra thống kê khác cho đến khi MSMIP được chính thức áp dụng. Trong điều kiện đó, Vụ cần phải xác định rõ vai trò của từng nhân viên trong công tác chuẩn bị để đảm bảo thời gian và hiệu quả công việc.

##### Nội dung khuyến nghị:

Tại Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK, một Nhóm chịu trách nhiệm thực hiện MSMIP sẽ được cử ra để đảm nhiệm các công việc chuẩn bị cho MSMIP song song với các công việc thường xuyên của TCTK. Nhóm Chuẩn bị cho việc hợp thức hoá MSMIP (tên dự kiến) sẽ gồm năm người gồm một Tổ trưởng và 4 thành viên phụ trách các công việc “lên kế hoạch và ngân sách”, “lập kế hoạch và thiết kế điều tra”, “chuẩn bị số liệu và phát triển hệ thống” và “tuyên truyền và đào tạo”. Vì vậy, thời gian và ngân quỹ sẽ được chính thức phân bổ



phiếu điền nhanh và dễ dàng. Để đảm bảo tính chính xác và kịp thời, các nguyên tắc về hệ thống hỗ trợ thực hiện hiệu quả các hoạt động chính như tổng hợp số liệu cần được xây dựng và áp dụng. TCTK cần chuẩn bị kế hoạch điều tra sau khi xem xét kỹ các khuyến nghị trong Báo cáo này và tính toán đến các yêu cầu trên. Kết quả của chương trình sẽ là “Kế hoạch sơ bộ cho việc thực hiện MSMIP” được soạn thảo trên cơ sở đảm bảo thực hiện theo Nghị quyết của Thủ tướng. Nếu có thể, chương trình sẽ được tiến hành với sự hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia nước ngoài.

(2) Chương trình kiểm tra và điều chỉnh các thiết kế điều tra

Nền công nghiệp Việt Nam gần đây đang thực hiện các thay đổi vượt bậc do quá trình cổ phần hoá các công ty Nhà nước và sự tác động của đầu tư nước ngoài. Cụ thể, sự gia tăng của đầu tư nước ngoài dường như đã thúc đẩy sự phát triển các sản phẩm mới trên lãnh thổ quốc gia. Trong khi đó, các phân ngành công nghiệp quốc tế đã và đang được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi của xu hướng công nghiệp trên thế giới. Để theo kịp sự biến đổi năng động đó, thiết kế MSMIP cần được thực hiện cùng với sự xem xét và thay thế các ngành và các sản phẩm một cách có hệ thống và định kỳ sau khi áp dụng hệ thống chính thức (sau năm 2008) cùng với việc điều chỉnh các phân ngành công nghiệp và phân loại sản phẩm. Vì vậy, chương trình cần có các quy định rõ ràng về việc xem xét hệ thống thống kê sản xuất thường xuyên như ai làm, làm gì và khi nào – tham khảo các trường hợp tương tự ở các nước khác.

(3) Chương trình đào tạo và tuyên truyền

Chương trình này hướng tới các cơ sở kinh tế điều tra. Việc nâng cao sự hiểu biết chung của các cơ sở kinh tế về cuộc điều tra MSMIP và phiếu điều tra là điều vô cùng quan trọng. Một phần là vì MSMIP là cuộc điều tra mới ở đất nước này và một phần là vì độ chính xác và kịp thời cao cần phải được bảo đảm cho các số liệu thống kê chính thức do cơ quan Chính phủ ban hành. Vì vậy, chương trình đào tạo và tuyên truyền sẽ được thực hiện để nâng cao sự hiểu biết của các cơ sở kinh tế điều tra về thống kê sản xuất thường xuyên và sẽ được tiến hành trên cơ sở từng địa phương. Với rất nhiều thông tin hữu ích được rút ra hai cuộc điều tra thử, chương trình sẽ được thiết kế bao gồm các chi tiết cụ thể cần được tính đến từ các bài học rút ra từ các kinh nghiệm trước đây.

Để tiến hành và phát triển các chương trình này, cần khai thác chuyên gia dài hạn phái cử theo Dự án Hợp tác Kỹ thuật từ tháng 7 năm 2006 và hỗ trợ từ các nhà tài trợ khác một cách hiệu quả.

### 6.2.3 Kế hoạch hành động để phát triển “Danh sách chủ mẫu điều tra” và Danh sách cơ sở kinh tế MSMIP

Lý do cho khuyến nghị:

Điều tra thống kê sản xuất thường xuyên lấy cơ sở kinh tế trong ngành chế biến là đơn vị cơ bản cho cuộc điều tra. Điều này sẽ được kế thừa trong MSMIP. Tuy nhiên, MSMIP về cơ bản sẽ



rằng việc thẩm định đối với đối tượng này là hoàn toàn không được thực hiện trong các cuộc điều tra thử.

Nội dung khuyến nghị:

Tại Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng, một nhóm phân tích số liệu hộ cá thể trong Điều tra tiền trạm sẽ được thành lập. Tuy nhiên, khi xem xét về nhân lực và vật lực của Vụ, việc thành lập một nhóm tạm thời để thực hiện kế hoạch này là thiếu thực tế. Thay vào đó, nhóm sẽ là những thành viên của Nhóm Chuẩn bị cho hợp thức hoá MSMIP với sự hỗ trợ của Vụ Thương Mại, Dịch vụ và Giá cả theo yêu cầu. Nhóm sẽ phân tích các kết quả điều tra và quyết định tiêu chuẩn cũng như nguyên tắc xử lý đối với các hộ cá thể (ví dụ, mẫu phiếu điều tra so với các loại hình doanh nghiệp khác, những vấn đề liên quan đến xử lý số liệu và tổng hợp) được áp dụng trong Điều tra chính thức (từ năm 2007 trở đi). Trong điều kiện đó, nhóm có thể phải xem xét khả năng thực hiện một cuộc điều tra đối với các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ bao gồm cả hộ cá thể tách rời khỏi MSMIP. (Đồng thời, việc điều tra có thể dừng một năm để phân tích số liệu của năm 2007 và phản ánh kết quả trong cuộc điều tra của năm 2008 và những năm sau đó).

**6.2.5 Kế hoạch đào tạo, hướng dẫn các điều tra viên và các chuyên viên phân tích thống kê**

Lý do cho khuyến nghị:

Để thực hiện cuộc điều tra thống kê mới, việc tiến hành đào tạo và hướng dẫn đầy đủ cho các điều tra viên là điều vô cùng cần thiết. Đối với phương pháp thống kê sản xuất thường xuyên này, những chương trình đào tạo và hướng dẫn cần thiết đã được thực hiện dưới hình thức chuyển giao kỹ thuật từ Nhóm Nghiên cứu cho Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK và các Cục TK chủ chốt là Hà Nội và Tp Hồ Chí Minh với hy vọng rằng những kỹ thuật và kinh nghiệm thống kê đó sẽ được truyền lại cho các địa phương khác. Tuy nhiên, một điều dễ nhận thấy rằng TCTK và các tổ chức có liên quan cần học hỏi nhiều vấn đề khác ngoài nghiệp vụ thống kê. Ví dụ: họ cần hiểu ý nghĩa của điều tra thống kê sản xuất thường xuyên theo nguyên tắc thị trường trong điều kiện nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn quá độ quan trọng. Điều này đòi hỏi phải có sự thay đổi trong tư duy của nhân viên thống kê. Đối với các điều tra viên tham gia vào điều tra thống kê, họ cần phải hiểu rõ sự khác biệt giữa cuộc điều tra cũ và điều tra mới (đặc biệt là so với Điều tra chọn mẫu công nghiệp hàng tháng hiện nay). Nếu không đạt được điều đó, họ không thể đưa ra một sự giải thích chính xác về điều tra mới hay kiểm tra các phiếu điều tra được thu thập. Điều này cũng tương tự cho các chuyên viên phân tích số liệu và các kỹ thuật viên thống kê - những người chịu trách nhiệm phát triển chỉ số và phân tích thống kê. Vì vậy, việc hỗ trợ MSMIP với các quan niệm và phương pháp cũ là điều rất khó khăn.

cho nhóm để tiến hành các công việc chuẩn bị. Sau khi MSMIP đã được chính thức hoá (từ năm 2007), nhóm sẽ trở thành Tổ thư ký của Ban Giám sát MSMIP. Có thể có tác động khi Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng cắt cử nhân viên chuyên trách cho MSMIP nên Vụ cần tuyển dụng thêm nhân viên.

### 6.2.2 Kế hoạch hỗ trợ cải thiện độ tin cậy của thống kê

#### Lý do cho khuyến nghị:

Một trong những vấn đề được xác định trong khuôn khổ Nghiên cứu là mức độ tin tưởng đối với thống kê hiện nay của các đối tượng dùng tin trong nước là rất thấp; sự nghi ngờ về số liệu thống kê do TCTK phát hành không chỉ từ phía các công ty tư nhân và cả từ các cơ quan và tổ chức Chính phủ là những đối tượng dùng tin chính. Đồng thời, thống kê Việt Nam cũng bị cho rằng thiếu khả năng so sánh quốc tế với các nước khác do sử dụng các phân loại, tiêu chuẩn và phương pháp luận khác biệt. Có nhiều lý do dẫn đến sự thiếu tin cậy của số liệu. Một phần là do sự hiểu lầm hoặc thiếu hiểu biết từ đối tượng sử dụng số liệu thống kê. Một phần là do GSO không công bố đầy đủ các thông tin liên quan đến phương pháp thống kê hoặc sự kém hiệu quả trong hệ thống báo mà chưa cần đề cập đến sự thiếu tin cậy của số liệu. Vì điều tra thống kê sản xuất thường xuyên được thiết kế để phản ánh các xu hướng hàng tháng của các hoạt động sản xuất trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là khai thác và chế biến, nên nó phải đạt được độ tin chính xác, kịp thời và khả năng so sánh quốc tế cao hơn so với thống kê hiện tại. Đáp ứng được các yêu cầu đó sẽ nâng cao sự tin cậy của công chúng đối với thống kê.

#### Nội dung khuyến nghị:

Để đảm bảo độ tin cậy của điều tra về thống kê sản xuất thường xuyên mới, “Kế hoạch hỗ trợ cải thiện độ tin cậy của thống kê” sẽ được Nhóm Chuẩn bị thực hiện cho việc chính thức hoá MSMIP với sự áp dụng kịp thời của TCTK. Kế hoạch sẽ xây dựng một hướng dẫn thực hiện cho kế hoạch cơ bản trình bày trong Báo cáo này và bao gồm các chương trình hỗ trợ sau để bổ sung kế hoạch cơ bản: ① một chương trình phát triển các kế hoạch và thiết kế điều tra; ② một chương trình kiểm tra và điều chỉnh các thiết kế điều tra; và ③ một chương trình đào tạo và tuyên truyền. Kế hoạch sẽ chỉ ra đường lối và các hoạt động cơ bản cho các chương trình này bao gồm các chỉ thị cụ thể cho Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK và các điều tra viên Cục TK/Phòng TK. Các nguyên tắc thiết kế cơ bản cho ba chương trình được tóm tắt như sau:

#### (1) Chương trình phát triển các kế hoạch và thiết kế điều tra

Chương trình này giúp TCTK kiểm tra kế hoạch thiết kế cơ bản trình bày trong Báo cáo và điều chỉnh chúng theo hướng phản ánh môi trường hoạt động thực tế liên quan đến cuộc điều tra. Ví dụ, thiết kế phiếu điều tra cần phải tính đến sự thuận tiện cho các đối tượng điều tra (cơ sở kinh tế), các chỉ tiêu điều tra cần được giới hạn tối thiểu miễn là đảm bảo đạt được mục tiêu điều tra và phiếu điều tra cần được xem xét để đảm bảo các câu hỏi dễ hiểu đi kèm với hướng dẫn. Đồng thời, cách trình bày và các vấn đề khác cần được xem xét để cho phép người điền





dựa trên điều tra chọn mẫu để lựa chọn các đối tượng điều tra từ danh sách nhóm cơ sở kinh tế và trong đó, doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sẽ được lựa chọn toàn bộ 100%. Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK chưa có danh sách cơ sở kinh tế. Danh sách doanh nghiệp được cập nhật dựa trên số doanh nghiệp tham gia Điều tra doanh nghiệp hàng năm. So sánh giữa MSMIP và Điều tra doanh nghiệp ta thấy danh sách doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài ít nhiều giống nhau nhưng không giống hoàn toàn vì một số doanh nghiệp có hai cơ sở kinh tế hoặc nhiều hơn. Vì lý do đó, Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng cần xây dựng một danh sách cơ sở kinh tế như một danh sách chủ mẫu điều tra. Danh sách chủ mẫu điều tra này bao gồm các thông tin cơ bản và có thể sử dụng cho hai cuộc điều tra thống kê khác nhau (MSMIP và Điều tra doanh nghiệp) để nâng cao sự chính xác và giảm thiểu những sai lệch do không nhận được phiếu phản hồi. Vì vậy, cần phát triển danh sách các cơ sở kinh tế điều tra cho MSMIP trên cơ sở danh sách chủ mẫu điều tra

Nội dung của khuyến nghị:

Cơ sở kinh tế trong danh sách doanh nghiệp mới nhất sẽ được kiểm tra trên cơ sở của Điều tra doanh nghiệp được thực hiện từ tháng 3 năm 2005 và sẽ được xây dựng thành một danh sách chủ mẫu điều tra. Danh sách cơ sở kinh tế MSMIP sẽ được xây dựng dựa trên danh sách chủ mẫu điều tra. Trong trường hợp này, số liệu về các hộ cá thể sẽ được xây dựng riêng nhưng sẽ được bổ sung vào danh sách cơ sở kinh tế MSMIP bằng cách sử dụng các thông tin về danh sách mẫu áp dụng cho Tổng điều tra cơ sở kinh tế (được thực hiện trong tương lai gần) để tham khảo. Vì việc cử cán bộ xử lý dữ liệu của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng tham gia phát triển một danh sách chủ mẫu điều tra và danh sách cơ sở kinh tế là một điều khó khăn nên có thể xem xét giao việc này cho Trung tâm Tin học Thống kê. Trong trường hợp này, vì cần phải xác nhận với từng doanh nghiệp và cơ sở kinh tế trong quá trình phát triển danh sách chủ mẫu điều tra và danh sách cơ sở kinh tế nên các nguyên tắc và quy trình phù hợp cần phải đưa ra trước đó.

#### **6.2.4 Kế hoạch tổ chức Nhóm Phân tích dữ liệu về hộ cá thể**

Lý do cho khuyến nghị:

Trong Điều tra tiền trạm MSMIP được tiến hành từ tháng hai năm nay, hộ cá thể được bổ sung như một đơn vị điều tra mới. Tuy nhiên, như đã trình bày trước đây, điều tra cả các hộ cá thể quy mô nhỏ là không phù hợp với một cuộc điều tra chọn mẫu. Tỷ trọng đóng góp của đối tượng này vào GDP là rất nhỏ nên hầu hết các hộ cá thể không thuộc diện điều tra trong cuộc điều tra thống kê sản xuất thường xuyên. Tuy nhiên, cuộc điều tra thống kê đối với các hộ cá thể lại rất hữu ích cho việc tìm hiểu các xu hướng trong nền kinh tế nông nghiệp mà họ đang hoạt động. Nhưng, số hộ cá thể được điều tra trong cuộc điều tra chính thức dự kiến khoảng 10,000, vượt quá tổng số doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và tạo ra một khối lượng công việc đáng kể khi xử lý số liệu. Để giải quyết vấn đề này, hướng dẫn xử lý số liệu của các hộ cá thể cần được quyết định trước khi thực hiện chính thức cuộc điều tra bằng cách phân tích phiếu điều tra của hộ trong điều tra tiền trạm (bao gồm cả đơn vị tính). Chú ý



Nội dung của khuyến nghị:

Khuyến nghị này bao gồm việc xây dựng kế hoạch đào tạo và hướng dẫn điều tra viên trên những địa bàn được điều tra trong Điều tra tiên trạm và Điều tra chính thức. Kế hoạch này sẽ được tiến hành dưới sự chỉ đạo của Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng của TCTK. Trong quá trình thực hiện kế hoạch, việc phát triển các chương trình đào tạo và lựa chọn người hướng dẫn sẽ được thực hiện bằng cách tận dụng chuyên môn và kinh nghiệm của chuyên gia dài hạn và các nhân viên Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng cũng như các Cục TK đã tham gia từ đầu như Cục TK Hà Nội và Tp HCM. Cần phải thực hiện kế hoạch nhanh chóng chương trình đào tạo điều tra viên tại các địa bàn chưa tham gia thực hiện điều tra MSMIP cho đến nay. Cần tổ chức các cuộc hội nghị chuyên đề thường xuyên theo địa bàn vào nửa cuối năm 2006. Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng là đơn vị thực hiện chính cũng như tiến hành điều chỉnh kế hoạch và ngân sách tại TCTK. Đồng thời, việc đào tạo chuyên viên phân tích thống kê sẽ được tiến hành bằng cách sử dụng các chương trình đào tạo ở nước ngoài càng nhiều càng tốt.



